

BẢN TIN TUẦN

“Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”

(ngày lấy mẫu 09-10/3/2022)

I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần từ ngày 07 đến ngày 13/3/2022

1. Vị trí giám sát

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
1	Cống Như Trác	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.
2	Cống Hữu Bị	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.
3	Cống Cốc Thành	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.
4	Cống sông Chanh	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.
5	Cống Nhâm Tràng	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.
6	Cống Kinh Thanh	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm
7	Cống Cỏ Đam	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên
8	Cống Vĩnh Trị	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản
9	Đầu kênh T3	Kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành
10	Đầu kênh C9	Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sát, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.
13	TB triệu Xá (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.
14	Đập La Chợ	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.
15	Đầu kênh S48	Kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.
16	Đập Vùa (CG12)	Kênh Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kênh Kinh Thủy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Kênh C19	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện
20	Đầu kênh T6	Kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản

2. Thông tin lúc giám sát

Đang trong quá trình khảo sát, thực địa nên chưa có đầy đủ thông tin hiện trường.

3. Kết quả đo đạc

Đang trong quá trình khảo sát, thực địa nên chưa có đầy đủ thông tin đo đạc.

4. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)

Đang trong quá trình khảo sát, thực địa nên chưa có đầy đủ thông tin đo đạc.

II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 07/3/2022 đến ngày 13/3/2022

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Dự báo tuần tới vùng Trung du và Đồng bằng Bắc bộ các trạm có mưa đến mưa vừa, lượng mưa dao động từ 7-28mm.

Lượng mưa TB hiện tại tại Phủ Lý có xu thế tăng so với TBNN cùng thời kỳ, tại Nam Định có xu thế tăng.

Bảng 23: LƯỢNG MƯA TẠI MỘT SỐ TRẠM TRONG VÙNG

TT	Trạm	Tỉnh	Sông	Lượng mưa tuần trước (mm)	Lượng mưa lũy tích từ tháng VI/2021 (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo lượng mưa từ 07/3 - 13/3 (mm)
						TBNN	2021	2020	
1	Nam Định	Nam Định	Đào	0,0	2020	+46	+53	+88	15,0
2	Phủ Lý	Hà Nam	Đáy	0,0	1912	+25	+44	+26	20,9

Bảng 24: NGUỒN NƯỚC TẠI CÔNG, TRẠM BƠM

TT	Tên công trình	Mức nước thiết kế (m)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Mức nước dự báo tuần tới: (m)			Ghi chú
				Dự báo MNTB so với TK (+/-: m)	Khả năng cấp nước của công trình (%)	Diện tích bảo đảm tưới (ha)	
1	TB. Như Trác	1,1	7512	-0,5	100,0	7512	Giảm
2	TB. Hữu Bị	0,8	7501	-0,3	100,0	7501	Giảm
3	TB. Cốc Thành	0,8	8536	-0,4	100,0	8536	Giảm
4	TB. Cổ Đam	0,8	9651	-0,4	100,0	9651	Giảm
5	TB. Nhâm Tràng	0,9	4415	-0,5	100,0	4415	Giảm
6	TB. Vĩnh Trị	0,8		-0,4			Giảm

2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

DO									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		07/03	08/03	09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	
Cổng Như Trác		6.367	6.367	6.367	6.367	6.367	6.367	6.367	≥ 4
Cổng Hữu Bị		6.472	6.490	6.515	6.549	6.589	6.630	6.669	≥ 4
Cổng Cốc Thành		5.837	5.887	5.894	5.900	5.908	5.918	5.927	≥ 4
Cổng sông Chanh		5.075	5.072	5.070	5.069	5.069	5.068	5.068	≥ 4
Cổng Nhâm Tràng		5.763	5.763	5.763	5.763	5.763	5.763	5.763	≥ 4
Cổng Kinh Thanh		6.046	6.042	6.034	6.026	6.018	6.012	6.007	≥ 4
Cổng Cổ Đàm		4.930	4.947	4.969	4.993	5.016	5.038	5.058	≥ 4
Cổng Vĩnh Trị		4.872	4.871	4.878	4.885	4.892	4.899	4.904	≥ 4
Đầu kênh T3		6.000	6.075	6.092	6.115	6.148	6.183	6.216	≥ 4
Đầu kênh C9		5.702	5.663	5.620	5.584	5.553	5.527	5.504	≥ 4
Cầu đường 10 với sông Sắt		4.961	4.969	4.970	4.969	4.967	4.964	4.962	≥ 4
Đập An Bài (sông Châu Giang)		5.913	5.913	5.913	5.913	5.913	5.913	5.913	≥ 4
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		5.650	5.650	5.650	5.650	5.650	5.650	5.650	≥ 4
Đập La Chợ		6.479	6.502	6.545	6.596	6.643	6.683	6.715	≥ 4
Đầu kênh S48		5.020	5.020	5.020	5.020	5.020	5.020	5.020	≥ 4
Đập Vùa (CG12)		6.684	6.771	6.827	6.858	6.875	6.887	6.894	≥ 4
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		6.197	6.200	6.209	6.222	6.238	6.255	6.272	≥ 4
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		5.109	5.166	5.191	5.202	5.209	5.214	5.220	≥ 4
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		5.306	5.266	5.230	5.208	5.196	5.192	5.191	≥ 4
Đầu kênh T6		5.862	5.949	5.962	5.972	5.988	6.007	6.025	≥ 4

NO₃⁻									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		07/03	08/03	09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	
Cổng Như Trác		1.779	1.779	1.779	1.779	1.779	1.779	1.779	≤ 10
Cổng Hữu Bị		1.440	1.422	1.391	1.342	1.281	1.217	1.155	≤ 10
Cổng Cốc Thành		1.101	1.022	1.028	1.040	1.043	1.037	1.028	≤ 10
Cổng sông Chanh		5.076	5.124	5.148	5.161	5.169	5.173	5.176	≤ 10
Cổng Nhâm Tràng		2.830	2.830	2.830	2.830	2.830	2.830	2.830	≤ 10
Cổng Kinh Thanh		2.108	2.166	2.215	2.256	2.291	2.321	2.348	≤ 10
Cổng Cỏ Đam		4.541	4.482	4.429	4.381	4.338	4.301	4.270	≤ 10
Cổng Vĩnh Trị		3.592	3.782	3.883	3.947	3.992	4.028	4.058	≤ 10
Đầu kênh T3		2.050	2.007	2.069	2.104	2.101	2.074	2.040	≤ 10
Đầu kênh C9		3.027	3.117	3.213	3.298	3.371	3.437	3.498	≤ 10
Cầu đường 10 với sông Sắt		4.178	4.119	4.094	4.088	4.093	4.103	4.117	≤ 10
Đập An Bài (sông Châu Giang)		2.464	2.464	2.464	2.464	2.464	2.464	2.464	≤ 10
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	≤ 10
Đập La Chợ		1.473	1.443	1.375	1.292	1.213	1.147	1.093	≤ 10
Đầu kênh S48		6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	≤ 10
Đập Vùa (CG12)		1.085	0.938	0.840	0.784	0.753	0.733	0.720	≤ 10
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		2.092	2.103	2.102	2.092	2.077	2.060	2.041	≤ 10
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		4.016	3.941	3.917	3.912	3.914	3.917	3.919	≤ 10
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		3.119	3.671	4.138	4.452	4.646	4.759	4.823	≤ 10
Đầu kênh T6		1.506	1.382	1.398	1.421	1.425	1.414	1.397	≤ 10

BOD ₅									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		07/03	08/03	09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	
Cổng Như Trác		11.513	11.513	11.513	11.513	11.513	11.513	11.513	≤ 15
Cổng Hữu Bị		7.273	7.224	7.119	6.929	6.673	6.393	6.119	≤ 15
Cổng Cốc Thành		13.885	13.609	13.696	13.788	13.822	13.810	13.776	≤ 15
Cổng sông Chanh		26.877	27.141	27.268	27.337	27.376	27.399	27.412	≤ 15
Cổng Nhâm Tràng		20.411	20.411	20.411	20.411	20.411	20.411	20.411	≤ 15
Cổng Kinh Thanh		9.488	9.548	9.641	9.737	9.826	9.907	9.980	≤ 15
Cổng Cỏ Đam		17.029	16.900	16.771	16.648	16.542	16.457	16.390	≤ 15
Cổng Vĩnh Trị		16.722	16.752	16.788	16.828	16.874	16.924	16.977	≤ 15
Đầu kênh T3		11.096	10.878	11.243	11.487	11.530	11.445	11.309	≤ 15
Đầu kênh C9		13.336	13.627	13.941	14.216	14.458	14.676	14.878	≤ 15
Cầu đường 10 với sông Sắt		16.444	16.510	16.588	16.666	16.742	16.817	16.891	≤ 15
Đập An Bài (sông Châu Giang)		11.393	11.393	11.393	11.393	11.393	11.393	11.393	≤ 15
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	≤ 15
Đập La Chợ		7.408	7.311	7.042	6.681	6.327	6.026	5.782	≤ 15
Đầu kênh S48		15.700	15.700	15.700	15.700	15.700	15.700	15.700	≤ 15
Đập Vùa (CG12)		5.923	5.222	4.733	4.458	4.304	4.209	4.145	≤ 15
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		10.084	10.151	10.169	10.147	10.100	10.038	9.970	≤ 15
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		15.491	15.224	15.150	15.155	15.193	15.237	15.278	≤ 15
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		16.756	19.328	21.692	23.328	24.346	24.947	25.292	≤ 15
Đầu kênh T6		13.103	12.629	12.798	12.967	13.026	13.000	12.934	≤ 15

NH ₄ ⁺									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		07/03	08/03	09/03	10/03	11/03	12/03	13/03	
Cổng Như Trác		0.258	0.258	0.258	0.258	0.258	0.258	0.258	≤ 0,9
Cổng Hữu Bị		0.315	0.320	0.321	0.316	0.306	0.292	0.278	≤ 0,9
Cổng Cốc Thành		0.358	0.343	0.342	0.341	0.338	0.335	0.331	≤ 0,9
Cổng sông Chanh		0.426	0.425	0.425	0.425	0.425	0.425	0.425	≤ 0,9
Cổng Nhâm Tràng		0.459	0.459	0.459	0.459	0.459	0.459	0.459	≤ 0,9
Cổng Kinh Thanh		0.364	0.374	0.385	0.394	0.403	0.412	0.420	≤ 0,9
Cổng Cỏ Đam		0.662	0.662	0.664	0.666	0.671	0.677	0.685	≤ 0,9
Cổng Vĩnh Trị		0.739	0.784	0.813	0.834	0.851	0.866	0.878	≤ 0,9
Đầu kênh T3		0.459	0.443	0.442	0.437	0.426	0.412	0.398	≤ 0,9
Đầu kênh C9		0.780	0.795	0.810	0.824	0.838	0.851	0.864	≤ 0,9
Cầu đường 10 với sông Sắt		0.896	0.889	0.886	0.887	0.890	0.894	0.900	≤ 0,9
Đập An Bài (sông Châu Giang)		0.591	0.591	0.591	0.591	0.591	0.591	0.591	≤ 0,9
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		0.740	0.740	0.740	0.740	0.740	0.740	0.740	≤ 0,9
Đập La Chợ		0.348	0.350	0.339	0.319	0.299	0.281	0.266	≤ 0,9
Đầu kênh S48		2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	≤ 0,9
Đập Vùa (CG12)		0.269	0.224	0.190	0.170	0.159	0.152	0.147	≤ 0,9
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		0.541	0.549	0.554	0.556	0.557	0.557	0.555	≤ 0,9
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		0.595	0.593	0.598	0.607	0.618	0.630	0.643	≤ 0,9
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		0.491	0.497	0.497	0.496	0.494	0.492	0.490	≤ 0,9
Đầu kênh T6		0.406	0.382	0.380	0.378	0.373	0.365	0.358	≤ 0,9

Kết quả dự báo DO trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Kết quả dự báo NO₃⁻ trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Các vị trí có hàm lượng BOD₅ trong kỳ dự báo vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT như Sông Chanh, Nhâm Tràng, Cỏ Đam, Vĩnh Trị, Cầu đường 10, TB Triệu Xá, Đầu kênh S48, Cầu Yên Trung, Đầu kênh C19.

Kết quả dự báo NH₄⁺ trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ vị trí Đầu kênh S48.

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Số liệu dự báo cũng cho thấy các điểm vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trong 7 ngày dự báo ít hơn so với tuần 9.

2. Đề xuất

Đề nghị Công ty KTCTTL Bắc Nam Hà tiếp tục tận dụng triều để trao đổi nước sông và trong hệ thống, tăng cường vận hành các công để đưa nước vào hệ thống.

3. Dự báo chung

Với dự báo lượng mưa và mực nước như dự báo ở trên thì mức độ ô nhiễm chất lượng nước trong HTCTTL Bắc Nam Hà sẽ tăng. Hàm lượng các thông số như BOD₅, NH₄⁺, NO₃⁻ sẽ có xu hướng tăng, hàm lượng Oxy hòa tan trong nước sẽ có xu hướng giảm./.

Nơi nhận:

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

- Tổng cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Thủy lợi Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.